

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)**  
**LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 243 /QĐ-BNV ngày 21 tháng 3 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, tôn chỉ, mục đích**

1. Tên gọi, biểu trưng:

- a) Tên chính thức: Liên đoàn Bóng đá nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- b) Tên gọi tắt: Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (viết tắt: LĐBĐVN);
- c) Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Football Federation (viết tắt: VFF);
- d) Biểu trưng:



Biểu trưng này đã đăng ký bản quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Tôn chỉ, mục đích

LĐBĐVN là tổ chức xã hội - nghề nghiệp về bóng đá và các hoạt động liên quan đến bóng đá trong phạm vi Việt Nam và quốc tế, tập hợp các thành viên để phát triển phong trào bóng đá nhằm mục đích xây dựng nền bóng đá Việt Nam phát triển lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, thể lực cho quần chúng nhân dân; góp phần nâng cao thành tích và vị thế của bóng đá Việt Nam nói riêng và môn bóng đá nói chung trong khu vực và trên toàn thế giới.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ, từ ngữ, tên viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. FIFA (Fédération Internationale de Football Association): Liên đoàn Bóng đá Quốc tế;
2. Liên đoàn Bóng đá Châu lục là một nhóm các Liên đoàn Bóng đá Quốc gia được FIFA công nhận và thuộc về cùng một châu lục (hoặc có cùng khu vực địa lý) bao gồm AFC (Asian Football Confederation): Liên đoàn Bóng đá Châu Á;

3. Liên đoàn Bóng đá Quốc gia: Tổ chức quản lý bóng đá đại diện cho nền bóng đá của một quốc gia được FIFA công nhận là thành viên;
4. Thành viên: Tổ chức, đơn vị được Đại hội Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (LĐBĐVN) công nhận là thành viên của LĐBĐVN;
5. Câu lạc bộ, đội bóng: Thành viên của LĐBĐVN;
6. Các quan chức: Bao gồm lãnh đạo, ủy viên các ban, các huấn luyện viên (HLV), trọng tài, những cán bộ tham gia và chịu trách nhiệm về chuyên môn, y tế và hành chính của FIFA, AFC, LĐBĐVN, các giải đấu hay các câu lạc bộ, đội bóng;
7. Cầu thủ: Cầu thủ bóng đá đã được đăng ký với LĐBĐVN;
8. Đại hội: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của LĐBĐVN;
9. Ban Chấp hành (BCH): Cơ quan quản lý, lãnh đạo, giám sát và tổ chức hoạt động của LĐBĐVN giữa hai kỳ Đại hội;
10. Tòa án nhân dân: Là Tòa án các cấp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
11. IFAB (International Football Association Board): Hội đồng Liên đoàn Bóng đá Quốc tế có thẩm quyền ban hành và sửa đổi, bổ sung Luật Thi đấu bóng đá;
12. CAS (Court of Arbitration for Sports): Toà Trọng tài Thể thao quốc tế đặt tại Lausanne, Thụy Sĩ;
13. Điều lệ và các quy định chuyên môn gồm: Điều lệ, quy chế, Luật Thi đấu bóng đá, Luật Thi đấu Futsal, nghị quyết, các quy định và các quyết định có liên quan của LĐBĐVN và các tổ chức bóng đá quốc tế mà LĐBĐVN là thành viên;
14. Pháp luật: Hệ thống các quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
15. Futsal: Là môn bóng đá thi đấu trong nhà giữa 02 (hai) đội, mỗi đội gồm 05 (năm) cầu thủ chính theo luật thi đấu futsal của FIFA;
16. Môn bóng đá: Môn thể thao do FIFA quản lý và tổ chức theo quy định của Luật Thi đấu bóng đá;
17. Trọng tài xét xử: Thực hiện chức năng xét xử trong lĩnh vực bóng đá.

### **Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở**

LĐBĐVN có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có cơ quan ngôn luận hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo quy định của Điều lệ này.

Trụ sở làm việc của LĐBĐVN đặt tại Đường Lê Quang Đạo, Mỹ Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 04.37332644, 04.38452480. Số fax: 04.38233119, 04.37341349. Địa chỉ website: [www.vff.org.vn](http://www.vff.org.vn). Email: [vietnamff@gmail.com](mailto:vietnamff@gmail.com), [info@vff.org.vn](mailto:info@vff.org.vn).

#### **Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. LDBĐVN hoạt động trong lĩnh vực bóng đá trên phạm vi cả nước. LDBĐVN là thành viên của Ủy ban Olympic Việt Nam, FIFA và AFC.

2. LDBĐVN chịu sự quản lý nhà nước về thể dục thể thao của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực LDBĐVN hoạt động.

#### **Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

LDBĐVN tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thống nhất hành động, quyết định theo đa số, tự quản trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ LDBĐVN.

#### **Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Huy động và tập hợp các thành viên tham gia phát triển phong trào bóng đá Việt Nam, đặc biệt là trong đối tượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên nhằm góp phần nâng cao thể chất nhân dân, phát hiện và bồi dưỡng tài năng bóng đá **theo quy định của pháp luật**.

2. Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng bóng đá các lứa tuổi, các đội tuyển quốc gia theo định hướng bóng đá chuyên nghiệp.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn, HLV, giảng viên, trọng tài bóng đá và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ này.

4. Tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về bóng đá **theo quy định của pháp luật**. Hợp tác chặt chẽ với FIFA, AFC, các Liên đoàn Bóng đá quốc gia và các đối tác khác trong xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về bóng đá theo pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ của các tổ chức bóng đá quốc tế **và quy định của pháp luật**.

5. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thi đấu bóng đá quốc gia chuyên nghiệp phù hợp với hệ thống thi đấu của khu vực và thế giới **theo quy định của pháp luật**.

6. Tổ chức, quản lý, điều hành các giải bóng đá quốc gia và đăng cai tổ chức các giải bóng đá quốc tế (bao gồm cả các trận đấu giao hữu) được tổ chức tại Việt Nam, đảm bảo tuân thủ Điều lệ, các quy định chuyên môn **và quy định của pháp luật**.

7. Cấp phép, trao quyền cho một thành viên hoặc đơn vị, tổ chức khác đăng cai giải bóng đá thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN trên cơ sở Điều lệ giải được LDBĐVN thông qua **và quy định của pháp luật**.

8. Xây dựng nền bóng đá Việt Nam phát triển lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, hối lộ, dàn xếp tỷ số, mua bán độ, phân biệt chủng tộc, tình trạng bạo lực, xô xát trong thi đấu và dùng các chất kích thích bị cấm trong bóng đá.

9. Phát triển các thành viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên thuộc LDBĐVN theo quy định của pháp luật.

10. Hỗ trợ các tổ chức bóng đá ở các địa phương, các ngành về chuyên môn, nghiệp vụ.

11. Giải quyết tranh chấp giữa các cầu thủ, cán bộ, HLV và các thành viên.

12. Huy động các nguồn lực và tổ chức các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật để tạo nguồn kinh phí phát triển bóng đá.

13. Tuyển chọn vận động viên, HLV tham gia các đội tuyển quốc gia và cử cán bộ, HLV, trọng tài, các đội tuyển quốc gia đi học tập, công tác, tập huấn, thi đấu ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

14. Ký hợp đồng với chuyên gia nước ngoài theo quy định của pháp luật.

15. Đề xuất và tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chiến lược, kế hoạch và chính sách để phát triển bóng đá **theo quy định của pháp luật**. Xây dựng cơ sở vật chất, phục vụ cho việc tập huấn và thi đấu bóng đá.

16. Ban hành theo thẩm quyền và đảm bảo thực hiện các quy định trong hoạt động quản lý, kiểm soát và điều hành môn bóng đá, trong đó bao gồm cả việc tổ chức các trận đấu và các giải đấu bóng đá; đăng ký và quản lý huấn luyện viên, trọng tài, cầu thủ bóng đá; quản lý hoạt động chuyển nhượng, cho mượn cầu thủ; khai thác quyền thương mại, quyền truyền thông trong các giải đấu, các sự kiện do LDBĐVN tổ chức phù hợp với các quy định có liên quan của luật pháp quốc gia và của các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên.

17. Sở hữu tất cả các quyền phát sinh từ các giải đấu và các sự kiện thuộc quyền quản lý, tổ chức, điều hành của LDBĐVN, trong đó bao gồm các quyền về tài chính; quyền thu thanh, ghi hình; sản xuất; phát thanh, truyền hình; truyền thông đa phương tiện; quảng cáo, tiếp thị; các quyền khác theo quy định của pháp luật.

18. Trao quyền sử dụng và phân phối hình ảnh, âm thanh và các hình thức dữ liệu khác của các trận đấu và các sự kiện thuộc quyền quản lý, tổ chức và điều hành của LDBĐVN, **quy định của pháp luật**.

19. Tôn trọng và ngăn ngừa bất kỳ vi phạm nào đối với Điều lệ, quy định, hướng dẫn và quyết định của FIFA, AFC cũng như Luật Thi đấu Bóng đá; đảm bảo các thành viên của Liên đoàn tôn trọng các Điều lệ, quy định, hướng dẫn và quyết định này.

20. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Không phân biệt đối xử**

Nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt về chủng tộc, nguồn gốc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hoặc bất kỳ lý do nào khác trong các hoạt động bóng đá do LDBĐVN quản lý, tổ chức và điều hành. Hành vi phân biệt đối xử sẽ bị xử phạt bằng hình thức đình chỉ hoặc khai trừ.

### **Điều 8. Cầu thủ**

1. Tư cách của cầu thủ và các quy định về chuyển nhượng cầu thủ được Ban Chấp hành LDBĐVN quy định dựa trên các văn bản hiện hành của FIFA về tư cách và chuyển nhượng cầu thủ.

2. Cầu thủ được đăng ký, chuyển nhượng theo quy chế của LDBĐVN.

## **Điều 9. Áp dụng Luật Thi đấu Bóng đá**

LĐBĐVN và các thành viên của LĐBĐVN tuân theo Luật Thi đấu Bóng đá do IFAB ban hành và Luật Thi đấu Futsal do Ban Chấp hành FIFA ban hành. Chỉ IFAB mới có quyền ban hành và sửa đổi Luật Thi đấu Bóng đá cũng như BCH FIFA mới có quyền ban hành và sửa đổi Luật Thi đấu Futsal.

## **Điều 10. Nghĩa vụ thực hiện**

Các thành viên, đơn vị trực thuộc và cán bộ thuộc LĐBĐVN phải tuân theo Điều lệ, quy chế, các hướng dẫn, quyết định và các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp của FIFA, AFC và LĐBĐVN trong mọi hoạt động.

## **Điều 11. Ngôn ngữ chính thức của LĐBĐVN**

Ngôn ngữ chính thức của LĐBĐVN là tiếng Việt, ngôn ngữ giao dịch quốc tế chính thức là tiếng Anh. Các văn kiện, văn bản chính thức được soạn thảo bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự không thống nhất trong việc hiểu các văn bản thì văn bản bằng tiếng Việt là căn cứ chuẩn.

## **Chương II THÀNH VIÊN**

### **Điều 12. Thành viên của LĐBĐVN**

1. Các thành viên của LĐBĐVN được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, các quy định của LĐBĐVN và của các tổ chức bóng đá quốc tế mà LĐBĐVN là thành viên.

2. Thành viên của LĐBĐVN gồm:

- a) Các CLB bóng đá tham gia các giải bóng đá vô địch quốc gia, hạng nhất quốc gia;
- b) Các CLB, đội bóng tham gia các giải bóng đá hạng nhì quốc gia, bóng đá nữ vô địch quốc gia, Futsal toàn quốc;
- c) Liên đoàn Bóng đá cấp tỉnh, đơn vị tổ chức các giải đấu quốc gia.

3. Thành viên của LĐBĐVN có thể đồng thời là thành viên của Liên đoàn Bóng đá cấp tỉnh.

### **Điều 13. Thể thức gia nhập LĐBĐVN**

1. Những tổ chức theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 muốn trở thành thành viên của LĐBĐVN phải nộp hồ sơ xin gia nhập LĐBĐVN theo quy định tại Khoản 2 của Điều này.

2. Hồ sơ xin gia nhập LĐBĐVN gồm:

- a) Đơn xin gia nhập LĐBĐVN;
- b) Bản sao Điều lệ và quy chế của tổ chức xin gia nhập;
- c) Quy chế hoạt động (đối với thành viên là đội bóng hoặc CLB) hoặc quyết định thành lập đội bóng hoặc CLB do cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- d) Danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức (những người có thẩm quyền ký các cam kết với bên thứ ba);

đ) Văn bản cam kết:

- Tuân thủ Điều lệ, các quy định chuyên môn và bảo đảm rằng các thành viên của mình, CLB, quan chức, đại diện cầu thủ, cầu thủ cũng tuân thủ Điều lệ và các quy định chuyên môn;

- Công nhận thẩm quyền giải quyết tranh chấp của cơ quan do LDBĐVN thành lập, đồng thời công nhận và tôn trọng các quyết định của CAS;

- Chỉ tổ chức và tham gia vào các giải đấu, trận đấu chính thức và giao hữu khi được LDBĐVN và AFC, FIFA cho phép;

- Trụ sở chính của cơ quan đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và đặt trên lãnh thổ Việt Nam;

- Tham gia tất cả các giải đấu, trận đấu chính thức do LDBĐVN tổ chức;

- Đảm bảo cơ cấu pháp lý của tổ chức muốn trở thành thành viên tự đưa ra những quyết định độc lập mà không phải dựa vào các tổ chức khác.

3. Thẩm quyền công nhận thành viên thuộc về Đại hội LDBĐVN. Thành viên có các quyền và nghĩa vụ thành viên quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này ngay sau khi được công nhận.

#### **Điều 14. Quyền của thành viên**

1. Được tham dự Đại hội LDBĐVN, được thông báo trước về chương trình, nội dung Đại hội, được triệu tập dự Đại hội, được quyền phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội.

2. Được đề cử, ứng cử và bầu các vị trí lãnh đạo của Liên đoàn và các ban của LDBĐVN.

3. Được đề xuất, thảo luận và biểu quyết về chiến lược, chủ trương, kế hoạch hoạt động của LDBĐVN.

4. Được giám sát hoạt động của BCH và các cơ quan, thành viên của LDBĐVN.

5. Được đề xuất các nội dung công việc để đưa vào chương trình Đại hội.

6. Được thông báo về tình hình hoạt động của LDBĐVN.

7. Được tham gia thi đấu tại các giải bóng đá do LDBĐVN tổ chức theo quy định của Điều lệ giải. Được ưu tiên sử dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện, thi đấu của LDBĐVN khi có nhu cầu phù hợp.

8. Được LDBĐVN bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động bóng đá. Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc.

9. Được hưởng các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định của LDBĐVN.

#### **Điều 15. Nghĩa vụ của thành viên**

1. Chấp hành các quy định của LDBĐVN, AFC và FIFA; tuân thủ Luật Thi đấu Bóng đá do IFAB ban hành, Luật Thi đấu Futsal do BCH FIFA ban hành và bảo đảm rằng các thành viên của mình, CLB, quan chức, đại diện cầu thủ và cầu thủ cũng tuân thủ các Điều lệ và quy chế này.

2. Thực hiện việc bầu cử các cơ quan theo quy định của LĐBĐVN.
3. Tích cực tham gia các hoạt động của LĐBĐVN, góp phần phát triển và nâng cao trình độ bóng đá Việt Nam.
4. Đóng niên liễm, phí và lệ phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định.
5. Khẳng định bằng một điều khoản trong Điều lệ của tổ chức (hoặc quy chế hoạt động của thành viên) quy định rằng bất kỳ tranh chấp nào về bóng đá của chính thành viên đó hoặc tổ chức của thành viên đó liên quan đến Điều lệ, Quy chế của FIFA, AFC hoặc LĐBĐVN thuộc thẩm quyền giải quyết của FIFA, AFC hoặc LĐBĐVN và không công nhận việc đưa các tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Khẳng định trong Điều lệ việc tôn trọng nguyên tắc, hành vi thể thao cao thượng, trung thực.
6. Thông báo kịp thời tới LĐBĐVN tất cả những sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy chế hoạt động (nếu có) và các quy định khác có liên quan đến tổ chức; danh sách cán bộ chủ chốt hoặc những người được ủy quyền đại diện.
7. Không duy trì quan hệ thể thao với các tổ chức không được công nhận hoặc với các thành viên đã bị đình chỉ hoặc khai trừ.
8. Không được đồng thời là thành viên của một Liên đoàn Bóng đá quốc gia khác và không được phép tham gia các hoạt động bóng đá trên lãnh thổ của Liên đoàn Bóng đá quốc gia khác mà không có sự cho phép của LĐBĐVN, Liên đoàn Bóng đá quốc gia có liên quan và FIFA.
9. Đảm bảo tuân thủ các cam kết khi gia nhập LĐBĐVN.
10. Báo cáo LĐBĐVN về hoạt động của tổ chức mình và của các thành viên của tổ chức mình.
11. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định có liên quan của LĐBĐVN, AFC và FIFA.

#### **Điều 16. Đình chỉ và tạm đình chỉ thành viên**

1. Đại hội có quyền đình chỉ thành viên vi phạm nghiêm trọng hoặc nhiều lần nghĩa vụ của thành viên được quy định tại Điều 15 Điều lệ này. Quyết định đình chỉ được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu có quyền biểu quyết có mặt tán thành.
2. Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội, nếu một thành viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên (quy định tại Điều 15 Điều lệ này), BCH có quyền quyết định tạm đình chỉ thành viên của tổ chức đó. Quyết định tạm đình chỉ của BCH sẽ có hiệu lực tới kỳ Đại hội tiếp theo, trừ trường hợp việc tạm đình chỉ đã được BCH quyết định thôi áp dụng trước khi Đại hội diễn ra. Trường hợp không được Đại hội thông qua, quyết định tạm đình chỉ thành viên do BCH ban hành sẽ chấm dứt hiệu lực.
3. Thành viên bị đình chỉ (hoặc tạm đình chỉ) sẽ mất các quyền thành viên của mình. Các thành viên khác không được phép liên hệ về các vấn đề liên quan đến bóng đá với thành viên bị đình chỉ (hoặc tạm đình chỉ).
4. Thành viên không tham gia hoạt động bóng đá của LĐBĐVN trong vòng một năm (hoặc một mùa giải) thì tạm thời mất quyền thành viên, Đại hội

xem xét và quyết định tư cách thành viên của thành viên đó. Trong thời gian tạm đình chỉ, thành viên đó không được tham gia đề cử, ứng cử, bầu cử, biểu quyết; không được bổ nhiệm và giao trách nhiệm mới trong tổ chức và hoạt động của LĐBĐVN.

### **Điều 17. Khai trừ thành viên**

1. Đại hội có quyền khai trừ thành viên trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên không hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với LĐBĐVN;

b) Thành viên vi phạm nghiêm trọng các quy định trong Điều lệ, các quy chế, chỉ dẫn và các quyết định của FIFA, AFC và LĐBĐVN.

2. Đề nghị khai trừ thành viên được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số phiếu biểu quyết hợp lệ tán thành. Việc khai trừ thành viên chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) đại biểu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội tán thành.

### **Điều 18. Ra khỏi LĐBĐVN**

Thành viên muốn xin ra khỏi LĐBĐVN phải có đơn gửi đến BCH LĐBĐVN ít nhất 03 (ba) tháng trước khi ra khỏi và phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ có liên quan đến LĐBĐVN, các tổ chức và cá nhân khác.

### **Điều 19. Chấm dứt tư cách thành viên**

1. Tư cách của một thành viên chấm dứt khi thành viên đó bị khai trừ, giải thể, tự xin ra khỏi LĐBĐVN.

2. Một thành viên chấm dứt tư cách thành viên thì mọi quyền và lợi ích của thành viên đó bị hủy bỏ, nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác có liên quan đến LĐBĐVN, các tổ chức và cá nhân khác.

### **Điều 20. Tư cách của thành viên**

1. Câu lạc bộ, đội bóng, đơn vị tổ chức giải đấu Quốc gia, Liên đoàn bóng đá cấp tỉnh hoặc bất kỳ tổ chức nào khác là thành viên của LĐBĐVN đều trực thuộc LĐBĐVN. Điều lệ này nêu rõ phạm vi quyền và nghĩa vụ của các CLB, đội bóng, đơn vị tổ chức giải đấu Quốc gia, Liên đoàn bóng đá cấp tỉnh. Điều lệ và quy định của các CLB, đội bóng, đơn vị tổ chức giải đấu Quốc gia, Liên đoàn bóng đá cấp tỉnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các CLB, đội bóng, đơn vị tổ chức giải đấu Quốc gia, Liên đoàn Bóng đá cấp tỉnh là thành viên của LĐBĐVN có quyền quyết định về các vấn đề có liên quan đến tư cách thành viên một cách độc lập.

3. Không một cá nhân hay tổ chức nào có quyền quản lý nhiều hơn một câu lạc bộ hoặc đội bóng cùng một giải đấu, vì điều này làm ảnh hưởng tới tính trung thực của trận đấu hay giải đấu.



### **Chương III**

## **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 21. Cơ cấu tổ chức của LDBĐVN**

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Thường trực BCH.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các phòng, ban chức năng và Hội đồng Tư vấn.
6. Ban Kỷ luật.
7. Ban Giải quyết khiếu nại.
8. Tổ chức trực thuộc.

### **Điều 22. Đại hội LDBĐVN**

1. Đại hội LDBĐVN là cơ quan lãnh đạo cao nhất của LDBĐVN. Đại hội tổ chức cuộc họp bao gồm tất cả các thành viên của LDBĐVN. Chỉ có Đại hội được tổ chức đúng quy định của pháp luật mới có quyền ban hành các quyết định.

2. Đại hội LDBĐVN gồm: Đại hội nhiệm kỳ được tiến hành bốn năm một lần, Đại hội thường niên được tiến hành một năm một lần và Đại hội bất thường.

3. Chủ tịch đoàn chủ trì Đại hội theo nội dung chương trình đã được thông qua trước đó.

4. Ban Chấp hành có thể mời một số đại biểu khách mời tham dự Đại hội nhưng không có quyền tranh luận hoặc biểu quyết.

### **Điều 23. Đại biểu và quyền biểu quyết**

1. Đại hội bao gồm 67 (sáu mươi bảy) đại biểu có quyền bỏ phiếu. Mỗi đại biểu đại diện cho một tổ chức thành viên. Số lượng đại biểu có quyền bỏ phiếu được phân bổ như sau:

a) Đối với 14 (mười bốn) câu lạc bộ V-league: Mỗi câu lạc bộ một đại biểu;

b) Đối với 10 (mười) câu lạc bộ Hạng nhất Quốc gia: Mỗi câu lạc bộ một đại biểu;

c) Đối với 12 (mười hai) câu lạc bộ Hạng nhì: Mỗi câu lạc bộ một đại biểu;

d) CLB bóng đá nữ: 07 (bảy) đại biểu;

đ) CLB futsal: 04 (bốn) đại biểu;

e) Đối với 19 (mười chín) LDBĐ địa phương: Mỗi Liên đoàn một đại biểu;

g) Ban Tổ chức giải Bóng đá chuyên nghiệp: 01 (một) đại biểu.

Mỗi thành viên được cử thêm một đại biểu ngoài danh sách nêu trên tham dự Đại hội nhưng đại biểu cử thêm không có quyền biểu quyết.

2. Đại biểu phải thuộc về thành viên mà họ đại diện và được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền của thành viên đó. Họ phải chứng minh về tư cách của mình khi được yêu cầu.

3. Mỗi đại diện của thành viên có số lượng phiếu bầu bằng nhau trong Đại hội. Chỉ có đại biểu đại diện cho mỗi thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội mới được quyền bỏ phiếu. Không được bỏ phiếu thay hoặc bỏ phiếu qua thư.

4. BCH và Tổng thư ký tham dự Đại hội nhưng không có quyền biểu quyết. Trong suốt nhiệm kỳ, các ủy viên BCH không được quyền đại diện cho các thành viên để biểu quyết tại Đại hội.

5. BCH đương nhiệm có trách nhiệm mời các cá nhân được các thành viên đề cử vào BCH tham dự Đại hội (các cá nhân này không phải là đại biểu đại diện của thành viên nên không có quyền biểu quyết tại Đại hội).

6. BCH đương nhiệm có quyền mời một hoặc nhiều cá nhân có đóng góp hiệu quả cho sự phát triển bóng đá Việt Nam và các đại biểu khác tham dự Đại hội với tư cách khách mời. Các khách mời không có quyền biểu quyết.

7. Trưởng Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kỷ luật và Trưởng Ban Giải quyết khiếu nại được mời tham dự Đại hội nhưng không có quyền biểu quyết.

#### **Điều 24. Quyền của Đại hội**

1. Đại hội nhiệm kỳ:

a) Sửa đổi và thông qua Điều lệ LĐBĐVN và các quy định đảm bảo thực hiện Điều lệ LĐBĐVN;

b) Kiểm điểm công tác và đề ra phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ;

c) Thông qua báo cáo kiểm điểm của BCH và các báo cáo khác do BCH trình lên Đại hội;

d) Thông qua báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và ngân sách;

đ) Công nhận, đình chỉ tư cách thành viên, khai trừ hoặc thông qua việc ra khỏi LĐBĐVN của thành viên;

e) Bầu các ủy viên BCH, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ban Kiểm tra và Trưởng Ban Kiểm tra;

g) Bỏ phiếu cho việc đề xuất giải thể LĐBĐVN (nếu có);

h) Chỉ định cơ quan kiểm toán độc lập theo đề xuất của BCH;

i) Ấn định mức nộp phí, lệ phí, niên liễm của thành viên;

k) Thảo luận và thông qua nghị quyết của Đại hội;

l) Các vấn đề khác được Đại hội chấp thuận xem xét.

2. Đại hội thường niên: Thực hiện các quyền như Đại hội nhiệm kỳ ngoại trừ quy định tại Mục e Khoản 1 Điều 24 đồng thời tiến hành thêm những nội dung sau đây:

- a) Kiểm điểm công tác năm và đề ra phương hướng hoạt động, nhiệm vụ cho năm sau hoặc bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ nếu thấy cần thiết;
- b) Bầu ủy viên BCH và bầu các chức danh khác thuộc quyền hạn của Đại hội nếu các chức danh đó bị khuyết;
- c) Thay đổi cơ quan kiểm toán độc lập theo đề xuất của BCH.

### **Điều 25. Số lượng đại biểu trong Đại hội**

1. Quyết định của Đại hội chỉ có hiệu lực nếu có trên 1/2 (một phần hai) đại biểu có quyền biểu quyết có mặt.
2. Nếu không đạt số lượng thành viên cần thiết, LDBĐVN sẽ tổ chức Đại hội lần hai trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kế tiếp với chương trình của Đại hội thứ nhất.
3. Đối với Đại hội lần hai không yêu cầu phải đạt số lượng đại biểu như Đại hội thứ nhất để có thể ra quyết định trừ khi có đề xuất sửa đổi Điều lệ của LDBĐVN, bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các ủy viên BCH; bãi miễn một hoặc một số ủy viên BCH; khai trừ thành viên của LDBĐVN hoặc giải thể LDBĐVN.

### **Điều 26. Quyết định của Đại hội**

1. Trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này, các quyết định được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) đại biểu có quyền biểu quyết có mặt. Các phiếu trắng hoặc ghi sai quy định hoặc không tham gia bỏ phiếu sẽ không được tính vào kết quả bỏ phiếu.
2. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay, bỏ phiếu kín hoặc qua các phương tiện điện tử. Nếu biểu quyết bằng hình thức giơ tay không cho kết quả rõ ràng thì tiếp tục tiến hành thông qua việc hỏi ý kiến từng đại biểu bằng việc gọi tên từng đại biểu theo thứ tự bảng chữ cái.

### **Điều 27. Bầu cử**

1. Việc bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên BCH được thực hiện trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban Kiểm tra và Trưởng Ban Kiểm tra được bầu trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc có thể được tiến hành theo hình thức giơ tay theo quyết định của Đại hội.
2. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch trúng cử nếu được trên 1/2 (một phần hai) phiếu hợp lệ. Nếu sau lần bỏ phiếu đầu tiên, không có ứng cử viên nào trúng chức danh Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch thì 02 (hai) ứng cử viên có số phiếu cao nhất sẽ tham gia vòng bỏ phiếu tiếp theo.
3. Các ủy viên BCH (ngoài chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch) trúng cử nếu được trên 1/2 (một phần hai) phiếu hợp lệ trong lần bỏ phiếu đầu tiên. Nếu trong lần bỏ phiếu đầu tiên chưa bầu đủ số lượng ủy viên BCH, trong lần bỏ phiếu thứ hai các vị trí còn lại sẽ được tính dựa trên số phiếu cao hơn (ứng cử viên trúng cử có số phiếu nhiều hơn ứng cử viên khác). Nếu trong lần bỏ phiếu thứ hai có từ 02 (hai) ứng cử viên có cùng số phiếu trở lên thì sẽ tổ chức bỏ phiếu cho những ứng cử viên có cùng số phiếu cho đến khi bầu đủ số lượng ủy viên BCH.

## **Điều 28. Thông báo tổ chức Đại hội**

1. Thời gian và địa điểm Đại hội do BCH quyết định và thông báo tới các thành viên, các ủy viên BCH bằng văn bản, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày Đại hội. Trường hợp Đại hội bất thường, phải gửi thông báo trước 30 (ba mươi) ngày trước ngày Đại hội.

2. Các văn bản của Đại hội được gửi tới các thành viên và các ủy viên BCH chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đại hội, bao gồm:

- a) Chương trình Đại hội;
- b) Các tài liệu liên quan khác.

## **Điều 29. Chương trình Đại hội**

1. Tổng thư ký báo cáo nội dung chương trình Đại hội dựa trên đề xuất của BCH và các thành viên. Các đề xuất của BCH và thành viên về nội dung chương trình Đại hội muốn được trình Đại hội đều phải gửi đến Tổng thư ký bằng văn bản ít nhất 20 (hai mươi) ngày trước khi Đại hội chính thức diễn ra.

2. Chương trình Đại hội gồm:

a) Thông qua báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu;

b) Tuyên bố Đại hội đã được triệu tập theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN;

c) Phát biểu khai mạc của Chủ tịch;

d) Bầu Chủ tịch đoàn và Ban Thư ký Đại hội;

đ) Thông qua chương trình Đại hội;

e) Báo cáo và thông qua các báo cáo, trong đó có báo cáo tài chính và báo cáo ngân sách do BCH đệ trình;

g) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);

h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội do thành viên hoặc BCH đề xuất;

i) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các ủy viên BCH, Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra;

k) Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội;

l) Quyết định thành viên bị đình chỉ, khai trừ hoặc xin ra khỏi (nếu có);

m) Bổ nhiệm đơn vị kiểm toán độc lập theo đề xuất của BCH;

n) Ấn định mức phí, lệ phí và niên liễm của thành viên;

o) Phê duyệt báo cáo kiểm điểm của BCH và các báo cáo khác BCH trình Đại hội;

p) Thảo luận các vấn đề do thành viên hoặc BCH đề xuất.

3. Chương trình Đại hội có thể thay đổi khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu có mặt tại Đại hội có quyền biểu quyết yêu cầu.

4. Đại hội không được quyền quyết định những nội dung không có trong chương trình Đại hội.

### **Điều 30. Việc triệu tập Đại hội bất thường**

1. BCH triệu tập Đại hội bất thường khi có một trong các lý do sau:

a) Có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên BCH hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên đề nghị;

b) Trường hợp vị trí Chủ tịch bị bỏ trống trong thời gian từ 06 (sáu) tháng trở lên của nhiệm kỳ;

c) Trong trường hợp có hơn 1/2 (một phần hai) số vị trí trong BCH bị trống.

2. Đề nghị triệu tập Đại hội bất thường phải nêu rõ các nội dung trong chương trình họp. Đại hội bất thường sẽ được tổ chức trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị. Nếu Đại hội bất thường không được triệu tập trong khoảng thời gian này, các ủy viên BCH và đơn vị thành viên đề xuất cuộc họp có thể tự tổ chức Đại hội và có thể yêu cầu sự trợ giúp của FIFA khi cần thiết (trình tự, thủ tục tiến hành tự tổ chức Đại hội do BCH quy định cụ thể phù hợp với quy định pháp luật). Các thành viên sẽ được thông báo ngày giờ, địa điểm và nội dung cuộc họp ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi Đại hội bất thường diễn ra.

3. Nếu BCH đề nghị họp Đại hội bất thường thì nội dung chương trình Đại hội do chính BCH đưa ra. Nếu các thành viên đề xuất họp Đại hội bất thường thì nội dung chương trình Đại hội gồm các đề nghị do các thành viên đó đưa ra và nội dung chương trình của Đại hội bất thường không được thay đổi.

### **Điều 31. Sửa đổi Điều lệ, quy định hướng dẫn áp dụng Điều lệ và trình tự tiến hành Đại hội**

1. Đề nghị sửa đổi Điều lệ của BCH hoặc thành viên phải được làm bằng văn bản nêu rõ lý do yêu cầu sửa đổi và gửi về Văn phòng LĐBĐVN. Đề nghị của một thành viên chỉ được coi là hợp lệ nếu có ít nhất 02 (hai) thành viên khác ủng hộ.

2. Đề nghị sửa đổi Điều lệ được thông qua nếu được 3/4 (ba phần tư) thành viên có mặt và có quyền biểu quyết tán thành.

3. Đề nghị sửa đổi quy định hướng dẫn áp dụng Điều lệ và trình tự tiến hành Đại hội phải được BCH hoặc thành viên làm bằng văn bản nêu rõ lý do đề nghị và gửi về Văn phòng LĐBĐVN.

4. Đề nghị sửa đổi quy định hướng dẫn áp dụng Điều lệ và trình tự tiến hành Đại hội được thông qua nếu được trên 1/2 (một phần hai) thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội tán thành.

### **Điều 32. Biên bản Đại hội**

Tổng thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lập biên bản Đại hội. Biên bản sau đó phải được các thành viên (được chỉ định) kiểm tra lại và được thông qua trước khi thông qua nghị quyết Đại hội.

### **Điều 33. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội**

1. Nghị quyết được Đại hội thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trừ khi Đại hội quy định ngày có hiệu lực khác.

2. Nghị quyết Đại hội phải được gửi tới các thành viên và các ủy viên BCH trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết có hiệu lực.

### **Điều 34. Ban Chấp hành**

1. BCH là cơ quan quản lý, lãnh đạo, giám sát và tổ chức hoạt động của LĐBĐVN giữa hai kỳ Đại hội.

2. BCH gồm 23 (hai mươi ba) ủy viên trong đó có: 01 (một) Chủ tịch, 03 (ba) Phó Chủ tịch và 19 (mười chín) ủy viên. Sau nhiệm kỳ của BCH được bầu tại Đại hội năm 2014 kết thúc, số lượng ủy viên BCH sẽ giảm xuống còn 17 (mười bảy) ủy viên từ năm 2018.

3. Các ủy viên BCH, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch do Đại hội bầu. Mỗi ứng cử viên ứng cử BCH phải được ít nhất một thành viên đề cử bằng văn bản.

4. Nhiệm kỳ của các ủy viên BCH, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch là 04 (bốn) năm. Những người này được tái cử khi được tín nhiệm.

5. Ủy viên BCH phải là công dân Việt Nam từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên có hiểu biết và kinh nghiệm về bóng đá và thể thao, các hoạt động xã hội khác; có điều kiện tham gia các hoạt động bóng đá; có tư cách đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Văn bản ứng cử, đề cử phải được gửi về Ban Thư ký của LĐBĐVN ít nhất 20 (hai mươi) ngày trước khi diễn ra Đại hội. Danh sách chính thức các ứng cử viên bầu vào BCH được chuyển tới các thành viên của LĐBĐVN cùng với chương trình Đại hội ít nhất 10 (mười) ngày trước khi diễn ra Đại hội.

7. Ủy viên BCH không được là thành viên của Ban Kỷ luật, Ban Giải quyết khiếu nại.

8. Ủy viên BCH vắng mặt trong 03 (ba) cuộc họp thường kỳ liên tiếp của BCH mà không có lý do chính đáng sẽ bị miễn nhiệm khỏi BCH. Quyết định miễn nhiệm cuối cùng sẽ do Đại hội quyết định dựa theo Điều 38 của Điều lệ này.

9. Ủy viên BCH muốn ra khỏi BCH phải nộp đơn cho BCH. Việc ra khỏi BCH chỉ có hiệu lực sau khi ủy viên đó được BCH tán thành và đã bàn giao lại toàn bộ công việc, các nguồn tài chính và cơ sở vật chất mà người đó chịu trách nhiệm quản lý cho một cá nhân hoặc một tổ chức được BCH chỉ định.

10. Nếu một vị trí trong BCH bị khuyết, BCH phân công người đảm nhiệm công việc của vị trí đó cho đến kỳ Đại hội tiếp theo bầu người thay thế cho đến hết nhiệm kỳ hiện tại.

11. Nếu có 1/2 (một phần hai) vị trí ủy viên BCH bị bỏ trống thì số ủy viên BCH còn lại sẽ triệu tập Đại hội bất thường trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày số ủy viên BCH bị bỏ trống nhằm bầu những người thay thế.

### **Điều 35. Họp Ban Chấp hành**

1. BCH LĐBĐVN họp ít nhất 03 (ba) lần trong một năm.
2. Chủ tịch LĐBĐVN triệu tập họp BCH. Nếu có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên BCH yêu cầu họp BCH bất thường thì Chủ tịch LĐBĐVN triệu tập cuộc họp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày có yêu cầu họp. Nếu Chủ tịch không triệu tập cuộc họp, các ủy viên BCH yêu cầu họp có thể tự triệu tập cuộc họp.
3. Chủ tịch LĐBĐVN quyết định nội dung chương trình cuộc họp BCH. Các ủy viên BCH có quyền đề xuất các ý kiến về nội dung chương trình họp BCH. Nội dung đề xuất phải gửi đến Tổng thư ký ít nhất 14 (mười bốn) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Chương trình họp phải được gửi đến các ủy viên BCH ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp.
4. Tổng thư ký, Trưởng Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kỷ luật và Trưởng Ban Giải quyết khiếu nại được mời tham dự các cuộc họp BCH.
5. Các cuộc họp của BCH đều được lập biên bản và có nghị quyết cuộc họp.
6. Trước khi công bố nghị quyết cuộc họp, nội dung cuộc họp không được công bố rộng rãi, chỉ thông báo cho cá nhân, đơn vị có liên quan.
7. BCH có thể mời các khách mời tham dự, các khách mời không có quyền biểu quyết và chỉ đóng góp ý kiến khi được BCH đồng ý.

### **Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành**

1. Thảo luận và thông qua các quyết định trong tất cả các trường hợp không thuộc thẩm quyền của Đại hội hoặc không thuộc các cơ quan khác của LĐBĐVN theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Thảo luận và thông qua quy chế hoạt động của BCH, quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chức năng, tổ chức trực thuộc LĐBĐVN.
3. Bổ nhiệm Thường trực BCH gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một ủy viên trong số ủy viên BCH.
4. Triển khai nghị quyết Đại hội và chỉ đạo, giám sát các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, Ban Thư ký thuộc LĐBĐVN.
5. Quyết định thời gian, địa điểm triệu tập Đại hội LĐBĐVN, thành lập Ban Tổ chức Đại hội, thành lập Ban Bầu cử Đại hội (theo quy định của FIFA).
6. Thông qua kế hoạch tài chính của LĐBĐVN.
7. Quyết định khen thưởng cho các ủy viên BCH, các đơn vị, tổ chức trực thuộc.
8. Báo cáo kế hoạch công tác với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
9. Thành lập các tổ chức trực thuộc LĐBĐVN; bổ nhiệm các Trưởng ban, Phó Trưởng ban, thành viên của các ban và Hội đồng tư vấn thuộc LĐBĐVN.

10. Trình Đại hội thông qua các báo cáo, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐBĐVN và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

11. Giao nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền của mình hoặc ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thay mình thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

12. Quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng thư ký.

13. Tạm thời đình chỉ một cá nhân hoặc một bộ phận hoặc một thành viên của LĐBĐVN cho đến kỳ Đại hội tiếp theo.

### **Điều 37. Quyết định của Ban Chấp hành**

1. BCH chỉ tiến hành các cuộc họp nếu có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên BCH có mặt. BCH có thể quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quyết định hình thức biểu quyết do BCH quyết định.

2. Quyết định của BCH được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên BCH có mặt biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch (hoặc người chủ trì).

3. Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong biên bản cuộc họp và nghị quyết của BCH.

4. Các quyết định sẽ có hiệu lực ngay sau khi người có thẩm quyền ký văn bản hoặc vào một thời điểm theo quyết định của BCH.

5. Trong trường hợp cần lấy ý kiến của BCH ngoài kỳ họp BCH, ủy viên BCH có thể cho ý kiến bằng văn bản theo mẫu của LĐBĐVN.

6. Ủy viên BCH nếu có mâu thuẫn về lợi ích trong sự việc đang được xem xét quyết định thì ủy viên đó phải rút lui khỏi việc thảo luận và quyết định về sự việc đó.

### **Điều 38. Khai trừ, miễn nhiệm, bãi nhiệm**

1. Việc khai trừ một thành viên hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm một chức danh do Đại hội bầu thuộc thẩm quyền của Đại hội. BCH báo cáo Đại hội việc khai trừ thành viên, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh trong chương trình Đại hội. BCH chỉ có quyền khai trừ tạm thời thành viên hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm tạm thời chức danh do Đại hội bầu cho đến khi có quyết định của Đại hội.

2. Ủy viên BCH được phép gửi văn bản đề xuất về việc khai trừ, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong cuộc họp BCH hoặc tại Đại hội. Đề xuất khai trừ, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải xác đáng và phải được gửi tới tất cả ủy viên BCH LĐBĐVN cùng với chương trình Đại hội.

3. Thành viên bị đề xuất khai trừ hoặc cá nhân bị đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh có quyền tự nêu ý kiến biện hộ cho chính mình.

4. Đề xuất khai trừ, miễn nhiệm, bãi nhiệm được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên BCH có mặt biểu quyết tán thành, Đại hội sẽ tiến hành bỏ phiếu kín để đưa ra quyết định cuối cùng.



5. Thành viên bị khai trừ (tạm thời) hoặc cá nhân bị miễn nhiệm, bãi nhiệm (tạm thời) phải dừng mọi hoạt động bóng đá ngay lập tức.

### **Điều 39. Chủ tịch**

1. Chủ tịch LĐBĐVN do Đại hội bầu trực tiếp, có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Là chủ tài khoản của LĐBĐVN; đại diện cho LĐBĐVN, BCH trong các quan hệ đối nội và đối ngoại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của LĐBĐVN;

b) Chịu trách nhiệm báo cáo BCH và các thành viên về hoạt động của LĐBĐVN;

c) Lãnh đạo việc thực hiện Điều lệ LĐBĐVN, các quyết định, nghị quyết của Đại hội, BCH, Thường trực BCH;

d) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Thường trực BCH, BCH, Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, một Phó Chủ tịch do Chủ tịch uỷ quyền chủ trì cuộc họp;

đ) Ký các văn bản, quyết định của LĐBĐVN khi đã được Đại hội, BCH, Thường trực BCH thông qua và các văn bản khác trong phạm vi thẩm quyền;

e) Chịu trách nhiệm về mối quan hệ giữa LĐBĐVN với các thành viên, với FIFA, AFC, các tổ chức và các cơ quan khác;

g) Chỉ Chủ tịch mới có quyền đề xuất bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng thư ký;

h) Chủ trì các cuộc họp của các ban khác nếu được đề nghị.

2. Chủ tịch tham gia biểu quyết trong cuộc họp BCH. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch.

3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch đương nhiệm có thời gian tại vị lâu nhất (hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch uỷ quyền) sẽ thay Quyền Chủ tịch. Trường hợp vị trí Chủ tịch Liên đoàn bị bỏ trống (bị chết, không tham dự 03 (ba) cuộc họp thường kỳ BCH liên tiếp hoặc từ chức), Phó Chủ tịch tại vị lâu nhất sẽ đảm nhiệm chức quyền Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu tại Đại hội bất thường được triệu tập gần nhất theo quy định của Điều lệ.

4. Việc quy định bổ sung quyền hạn của Chủ tịch đều phải được quy định trong Quy chế của LĐBĐVN và phải phù hợp với quy định của FIFA và AFC.

### **Điều 40. Các Phó Chủ tịch**

Các Phó Chủ tịch do Đại hội bầu trực tiếp, có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Hoạt động theo sự phân công của Chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

2. Được quyền ký thay văn bản khi được Chủ tịch uỷ quyền;

3. Giám sát Tổng thư ký điều hành các lĩnh vực công tác do mình phụ trách và báo cáo kết quả trước Chủ tịch.

## **Điều 41. Thường trực Ban Chấp hành**

1. Thường trực BCH do BCH bầu trong số các ủy viên BCH. Thường trực BCH gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và 01 (một) ủy viên. Nhiệm kỳ của Thường trực BCH cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Thường trực BCH có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề cần phải giải quyết ngay của LĐBĐVN giữa hai kỳ họp của BCH.

2. Chủ tịch có quyền triệu tập các cuộc họp Thường trực BCH. Nếu cuộc họp không được tiến hành trong khoảng thời gian quy định, các quyết định sẽ được thông qua bằng các phương tiện thông tin khác như: Họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản gửi qua thư, fax, thư điện tử và phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) ý kiến tán thành của các ủy viên.

3. Thường trực BCH chỉ được tổ chức cuộc họp khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên tham gia dự họp. Thường trực BCH có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Thường trực BCH quyết định.

4. Các nghị quyết, quyết định của Thường trực BCH được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Thường trực BCH dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch (hoặc người chủ trì).

5. Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong biên bản cuộc họp hoặc nghị quyết.

6. Các quyết định sẽ có hiệu lực ngay sau khi người có thẩm quyền ký hoặc vào một thời điểm theo quyết định của Thường trực BCH.

7. Chủ tịch thông báo ngay tới các ủy viên BCH các quyết định của Thường trực BCH. Các quyết định này sẽ được BCH thông qua tại kỳ họp kế tiếp.

8. Trong trường hợp Chủ tịch không thể tham dự cuộc họp, Phó Chủ tịch đương nhiệm có thời gian tại vị lâu nhất (hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền) sẽ thay Quyền Chủ tịch.

## **Điều 42. Ban Kiểm tra**

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của LĐBĐVN. Ban Kiểm tra gồm 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) ủy viên. Tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Ủy viên Ban Kiểm tra không được là ủy viên BCH. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập theo quy định của Điều lệ này và quy định của LĐBĐVN, phù hợp với quy định của pháp luật. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm tra do Đại hội giao cho BCH ban hành, quy định cụ thể để thực hiện.

3. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội, các quyết định, nghị quyết của BCH và Thường trực BCH;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, các hoạt động kinh tế, tài chính, các hoạt động khác của LDBĐVN, các tổ chức, đơn vị trực thuộc LDBĐVN và các thành viên;

c) Tùy tính chất của từng vụ việc, Ban Kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra với Thường trực BCH, BCH LDBĐVN hoặc trình Đại hội LDBĐVN xem xét, quyết định.

### **Điều 43. Các ban chức năng và Hội đồng Tư vấn**

1. LDBĐVN có các ban chức năng và Hội đồng Tư vấn

a) Các ban chức năng gồm:

- Ban Chiến lược;
- Ban Bóng đá chuyên nghiệp và Cấp phép CLB;
- Ban Futsal;
- Ban Bóng đá Nữ;
- Ban Bóng đá phong trào;
- Ban Tài chính và vận động tài trợ;
- Ban Truyền thông và Đối ngoại;
- Ban Y học thể thao;
- Ban Tư cách cầu thủ;
- Ban Trọng tài.

Trường hợp thành lập, sáp nhập, chấm dứt hoạt động của một hoặc một số ban chức năng, Hội đồng tư vấn do BCH quyết định theo thẩm quyền và không dẫn đến việc sửa đổi Điều lệ này.

b) Hội đồng Tư vấn: Hội đồng HLV bóng đá Quốc gia hoạt động theo quy định của BCH.

2. Trưởng ban của các ban chức năng phải là ủy viên BCH. Các thành viên của mỗi ban và của Hội đồng HLV bóng đá Quốc gia sẽ do BCH bổ nhiệm dựa trên đề xuất của Thường trực BCH. Các Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên của các ban chức năng và Hội đồng HLV bóng đá Quốc gia được bổ nhiệm trong một nhiệm kỳ công tác là 04 (bốn) năm.

3. Trưởng ban là người đại diện cho ban triển khai công việc theo quy định.

4. Cơ cấu tổ chức và chức năng của các ban được quy định rõ trong Điều lệ này, quy chế làm việc và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ban do BCH ban hành.

5. Mỗi ban chức năng có thể đề xuất lên BCH những sửa đổi liên quan đến các quy định của ban.

#### **Điều 44. Ban Chiến lược**

Ban Chiến lược giải quyết những vấn đề về chiến lược phát triển bóng đá và vị thế của bóng đá. Ban Chiến lược gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 03 (ba) ủy viên.

#### **Điều 45. Ban Bóng đá chuyên nghiệp và Cấp phép CLB**

1. Ban Bóng đá chuyên nghiệp và Cấp phép CLB lập kế hoạch phát triển bóng đá chuyên nghiệp và chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến bóng đá chuyên nghiệp, quyết định việc cấp phép cho CLB tham gia các giải thuộc hệ thống giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia và giấy phép tham gia giải cấp CLB của AFC theo quy định của quy chế cấp phép CLB của LĐBĐVN.

2. Ban Bóng đá chuyên nghiệp và Cấp phép CLB gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 05 (năm) ủy viên. Các thành viên của Ban không được cùng một lúc làm việc tại một tòa án quốc gia.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Bóng đá chuyên nghiệp và Cấp phép CLB được quy định trong quy chế cấp phép CLB của LĐBĐVN.

#### **Điều 46. Ban Futsal**

Ban Futsal giúp LĐBĐVN phát triển phong trào Futsal. Ban Futsal gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) ủy viên.

#### **Điều 47. Ban Bóng đá nữ**

Ban Bóng đá nữ giúp LĐBĐVN phát triển bóng đá nữ. Ban Bóng đá nữ gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) ủy viên.

#### **Điều 48. Ban Bóng đá phong trào**

Ban Bóng đá phong trào giải quyết những vấn đề chung về bóng đá ở cấp cơ sở như cơ cấu tổ chức, mối quan hệ giữa các CLB, Liên đoàn, các thành viên và FIFA.

Ban Bóng đá phong trào gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) ủy viên.

#### **Điều 49. Ban Tài chính và Vận động tài trợ**

Ban Tài chính và Vận động tài trợ tư vấn cho BCH về tất cả các vấn đề tiếp thị, xây dựng chiến lược tiếp thị và thiết lập, duy trì mối quan hệ với các đối tác của LĐBĐVN; giám sát hoạt động quản lý tài chính và tư vấn về quản lý tài chính và tài sản; lập dự toán ngân sách của LĐBĐVN, thẩm định báo cáo tài chính của Tổng thư ký để trình BCH xem xét, phê duyệt.

Ban Tài chính và Vận động tài trợ gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

#### **Điều 50. Ban Truyền thông và Đối ngoại**

Ban Truyền thông và Đối ngoại tổ chức công tác truyền thông và sự kiện của LĐBĐVN; xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa LĐBĐVN với các tổ chức bóng đá quốc tế, Liên đoàn bóng đá quốc gia và tổ chức truyền thông. Ban Truyền thông và Đối ngoại gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) ủy viên.

### **Điều 51. Ban Y học Thể thao**

Ban Y học Thể thao có chức năng nghiên cứu, đề xuất các chương trình, kế hoạch phát triển y học trong bóng đá và tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo LĐBĐVN những giải pháp về tổ chức và nhân sự để hình thành mạng lưới chăm sóc, chữa trị và phục hồi chức năng cho vận động viên.

Ban Y học Thể thao gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 01 (một) ủy viên được lựa chọn từ đội ngũ các chuyên gia y tế của các tổ chức chuyên ngành.

### **Điều 52. Ban Tư cách cầu thủ**

1. Ban Tư cách cầu thủ thiết lập và giám sát việc tuân thủ các quy định về chuyển nhượng theo các quy định của FIFA về tư cách và chuyển nhượng cầu thủ, đồng thời quyết định tư cách cầu thủ đối với các giải đấu của LĐBĐVN.

2. Ban Tư cách cầu thủ gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

### **Điều 53. Ban Trọng tài**

1. Ban Trọng tài gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Các thành viên của Ban không được làm việc hoặc dưới sự quản lý của bất cứ thành viên nào của LĐBĐVN.

2. Ban Trọng tài chịu trách nhiệm quản lý trọng tài và hoạt động của trọng tài bóng đá ở cấp quốc gia, thông báo và hướng dẫn các quy định của LĐBĐVN, FIFA về công tác trọng tài.

3. Chức năng và nhiệm vụ của Ban Trọng tài được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trọng tài bóng đá Việt Nam.

### **Điều 54. Hội đồng Huấn luyện viên Bóng đá Quốc gia**

Hội đồng HLV Bóng đá Quốc gia được LĐBĐVN bổ nhiệm.

Hội đồng HLV Bóng đá Quốc gia phối hợp với các cơ quan chức năng của LĐBĐVN tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho lực lượng HLV bóng đá toàn quốc, theo dõi, quản lý, giúp đỡ đội ngũ HLV về mặt chuyên môn và tham mưu cho LĐBĐVN về việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng lực lượng HLV cho các Đội tuyển Quốc gia.

Hội đồng HLV Bóng đá Quốc gia gồm 01 (một) Chủ tịch, 01 (một) Phó Chủ tịch và 03 (ba) ủy viên.

### **Điều 55. Tổ chức trực thuộc**

LĐBĐVN có một số tổ chức trực thuộc bao gồm: Báo Bóng đá, Trung tâm Đào tạo Bóng đá Trẻ và một số tổ chức khác theo quyết định của BCH.

### **Điều 56. Văn phòng LĐBĐVN**

Văn phòng LĐBĐVN thực hiện những công việc hành chính của LĐBĐVN dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng thư ký. Các nhân viên của Văn phòng chịu sự điều chỉnh của Quy chế làm việc của LĐBĐVN.

## **Điều 57. Tổng thư ký**

1. Tổng thư ký là người đứng đầu Văn phòng của LĐBĐVN. Tổng thư ký được BCH bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch LĐBĐVN. Tổng thư ký làm việc theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Tổng thư ký có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Tham dự Đại hội và các cuộc họp của BCH, Thường trực BCH và các ban chức năng;

b) Chịu trách nhiệm chuẩn bị công tác tổ chức Đại hội, các cuộc họp BCH và các ban khác;

c) Tổ chức ghi các biên bản của Đại hội, các cuộc họp BCH, Thường trực BCH và các ban chức năng;

d) Được ủy quyền thứ nhất của chủ tài khoản LĐBĐVN;

đ) Là người thay mặt Chủ tịch trong các quan hệ đối nội, đối ngoại;

e) Là người phát ngôn chính thức của LĐBĐVN;

g) Chuẩn bị và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội, BCH, Thường trực BCH về các mặt công tác của LĐBĐVN;

h) Đảm bảo mối quan hệ với FIFA, AFC, các Liên đoàn Bóng đá Quốc gia và các tổ chức thể thao khác dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch;

i) Tuyển dụng nhân sự làm việc ở cơ quan quản lý hành chính của LĐBĐVN và đề xuất bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm cán bộ quản lý để Chủ tịch quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;

k) Ủy quyền cho các Phó Tổng thư ký ký thay.

3. Tổng thư ký không phải là ủy viên của bất cứ ban nào của LĐBĐVN.

## **Điều 58. Bộ phận Pháp chế**

1. Bộ phận Pháp chế gồm: Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại.

2. Chức năng và nhiệm vụ của các ban này được quy định trong Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN phù hợp với Quy định về kỷ luật của FIFA.

3. Thành viên của Bộ phận Pháp chế không được đồng thời đảm nhiệm vị trí ở bất kỳ bộ phận nào khác thuộc LĐBĐVN tại cùng thời điểm.

## **Điều 59. Ban Kỷ luật**

1. Ban Kỷ luật do BCH bổ nhiệm để xem xét, quyết định kỷ luật về bóng đá. Ban Kỷ luật gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 03 (ba) ủy viên. Ban Kỷ luật có ít nhất 01 (một) ủy viên có bằng cử nhân luật.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kỷ luật được quy định trong Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN và Quy chế hoạt động của Ban Kỷ luật. Tất cả các ủy viên của Ban Kỷ luật kể cả Trưởng ban nếu liên quan đến vụ việc thì không được tham gia vào tiến trình giải quyết vụ việc đó.

3. Quyết định của Ban Kỷ luật được thông qua khi có ít nhất 03 (ba) thành viên tham dự hoặc do Trưởng ban quyết định theo quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

4. Ban Kỷ luật hoạt động độc lập, tuân theo Điều lệ này, quy chế về bóng đá và quy định về kỷ luật của LDBĐVN khi xem xét kỷ luật đối với các thành viên, quan chức, cán bộ, cầu lạc bộ, cầu thủ, đơn vị tổ chức trận đấu và đại diện cầu thủ.

5. Các hình thức kỷ luật đình chỉ, tạm đình chỉ và khai trừ thành viên thuộc thẩm quyền của Đại hội và BCH.

### **Điều 60. Ban Giải quyết khiếu nại**

1. Ban Giải quyết khiếu nại do BCH bổ nhiệm để xem xét, giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết tranh chấp về bóng đá, khiếu nại liên quan đến hoạt động cấp phép CLB. Ban Khiếu nại gồm 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và 03 (ba) ủy viên. Ban Giải quyết khiếu nại có ít nhất 01 (một) ủy viên có bằng cử nhân luật.

2. Chức năng và nhiệm vụ của Ban Giải quyết khiếu nại được quy định trong quy định về kỷ luật của LDBĐVN và Quy chế hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại. Quyết định của Ban được thông qua khi có ít nhất 03 (ba) thành viên tham dự hoặc Trưởng ban quyết định theo quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

3. Ban Giải quyết khiếu nại chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại đối với các quyết định kỷ luật, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp về bóng đá của LDBĐVN, khiếu nại liên quan đến hoạt động cấp phép CLB của Ban Cấp phép CLB LDBĐVN. Ban Giải quyết khiếu nại hoạt động độc lập, tuân theo Điều lệ này, quy chế về bóng đá và quy định về kỷ luật của LDBĐVN khi xem xét giải quyết khiếu nại.

### **Điều 61. Các hình thức kỷ luật**

1. Đối với cá nhân và tập thể:

- a) Nhắc nhở;
- b) Khiển trách;
- c) Phạt tiền;
- d) Thu hồi giải thưởng.

2. Đối với cá nhân:

- a) Cảnh cáo;
- b) Bãi nhiệm;
- c) Đình chỉ thi đấu;
- d) Cấm vào phòng thay đồ và khu vực kỹ thuật;
- đ) Cấm vào sân vận động;
- e) Cấm tham gia các hoạt động liên quan đến bóng đá.

3. Đối với tập thể:

- a) Cấm chuyển nhượng;
- b) Buộc phải thi đấu trên sân không có khán giả;
- c) Buộc phải thi đấu trên sân trung lập;
- d) Cấm thi đấu trên một sân cụ thể;
- đ) Hủy bỏ kết quả trận đấu;
- e) Loại khỏi giải;
- g) Khai trừ;
- h) Phạt thua;
- i) Trừ điểm;
- k) Chuyển xuống thi đấu ở hạng thấp hơn.

#### **Điều 62. Trọng tài xét xử**

LĐBĐVN thành lập bộ phận Trọng tài xét xử để giải quyết tất cả các tranh chấp nội bộ liên quan đến bóng đá giữa LĐBĐVN, các thành viên, cầu thủ, huấn luyện viên, đại diện cầu thủ, đơn vị tổ chức trận đấu. BCH quy định về cơ cấu, thủ tục và quyền hạn của Trọng tài xét xử.

#### **Điều 63. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp**

1. LĐBĐVN, thành viên, cầu thủ, huấn luyện viên, đại diện cầu thủ và đơn vị tổ chức trận đấu không được đưa bất cứ tranh chấp nào liên quan đến bóng đá ra Tòa án nhân dân trừ những trường hợp đặc biệt được quy định trong Điều lệ và quy định của FIFA. Mọi tranh chấp liên quan đến bóng đá đều thuộc thẩm quyền giải quyết của FIFA, AFC và LĐBĐVN.

2. LĐBĐVN có quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến bóng đá trong phạm vi nội bộ bóng đá Việt Nam. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp quốc tế thuộc về FIFA.

#### **Điều 64. Tòa Trọng tài Thể thao (CAS)**

1. Theo các điều khoản có liên quan trong Điều lệ của FIFA, bất cứ khiếu nại nào đối với các quyết định cuối cùng và bắt buộc của FIFA sẽ được CAS giải quyết. CAS không giải quyết những khiếu nại liên quan đến việc vi phạm Luật Thi đấu bóng đá, đình chỉ thi đấu đến 04 (bốn) trận hoặc từ 03 (ba) tháng trở xuống, cũng như các quyết định của bộ phận trọng tài được thành lập hợp lệ và độc lập của các Liên đoàn Bóng đá Quốc gia hoặc Liên đoàn Bóng đá Châu lục.

2. LĐBĐVN phải đảm bảo sự tuân thủ tuyệt đối của các thành viên, các cầu thủ, các quan chức, các đại diện cầu thủ và các cơ quan tổ chức trận đấu đối với các quyết định giải quyết cuối cùng của một cơ quan thuộc FIFA hoặc CAS.

### **Chương IV TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

#### **Điều 65. Tài chính và tài sản**

LĐBĐVN có tài chính và tài sản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, được quyền thu, chi cho các hoạt động theo các quy định về tài chính



của LDBĐVN phù hợp với quy định của pháp luật. Năm tài chính của LDBĐVN bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Điều 66. Quản lý tài chính và tài sản**

Việc quản lý tài sản, tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật, các quy định cụ thể của BCH về việc chi tiêu tài chính và phải được báo cáo bằng văn bản trong các kỳ họp BCH và Đại hội.

### **Điều 67. Các khoản thu của LDBĐVN**

1. Tiền đóng niên liễm của các thành viên theo quy định tại Điều lệ LDBĐVN.

2. Thu lệ phí tổ chức các giải thi đấu trong nước.

3. Tiền thu từ các hợp đồng tài trợ, quảng cáo cho các giải thi đấu trong nước và cho các Đội tuyển Quốc gia Nam và Nữ.

4. Tiền tài trợ, viện trợ từ các cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế không gắn với quảng cáo.

5. Tiền ủng hộ, quà biếu, tặng của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

6. Tiền thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản của LDBĐVN.

7. Tiền thu từ các hoạt động kinh tế sau khi đã nộp thuế theo luật định:

a) Sản xuất, kinh doanh (nếu có);

b) Tổ chức các giải thi đấu, các trận thi đấu quốc tế;

c) Tiền cho thuê tài sản;

d) Tiền bán quyền sử dụng các biểu trưng, huy hiệu, hình ảnh của LDBĐVN;

đ) Tiền bán bản quyền truyền hình các giải thi đấu.

8. Thu tiền phạt từ án kỷ luật, phạt thẻ, khiếu kiện, khiếu nại.

9. Các khoản thu khác theo quy định của LDBĐVN và pháp luật.

10. Kinh phí thu được từ các nguồn thu không được chia cho thành viên của LDBĐVN.

### **Điều 68. Các khoản chi của Liên đoàn**

1. Các khoản chi của LDBĐVN theo quy chế quản lý tài sản, tài chính do BCH thông qua phù hợp với pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Trả các khoản thuế và các khoản phí có liên quan;

b) Chi cho hoạt động của cấp quản lý và các ban chức năng của LDBĐVN;

c) Chi cho hoạt động của cơ quan LDBĐVN như: Tiền lương, tiền công, tiền đóng bảo hiểm cho cán bộ, nhân viên, tiền công tác phí, mua sắm trang thiết

bị, chi phí thuê địa điểm, chi phí lễ tân, khánh tiết, tiền điện, nước, cước phí thông tin liên lạc và những chi phí khác;

d) Chi phục vụ Đại hội, Hội nghị BCH LĐBĐVN;

đ) Chi tổ chức các giải trong nước như: Hạng Nhì, Vô địch Quốc gia Nữ, Futsal, hạng Ba, bóng đá Bãi biển...;

e) Chi tổ chức các giải quốc tế tại Việt Nam;

g) Chi tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các giải bóng đá trẻ nam và nữ: U11, U13, U15, U17, U19, U21...;

h) Chi tổ chức các lớp tập huấn trọng tài, giám sát, HLV;

i) Chi tặng các giải thưởng, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động bóng đá;

k) Chi thuê HLV nước ngoài, HLV trong nước cho các lớp đào tạo trẻ;

l) Chi cho công tác tuyên truyền, báo chí, thông tin khoa học, nghiên cứu khoa học;

m) Chi đầu tư, xây dựng, trang bị, sửa chữa cơ sở Văn phòng;

n) Chi cho các hoạt động quan hệ quốc tế;

o) Các khoản chi phí tiếp thị, tài trợ, kinh doanh và dịch vụ;

p) Chi hỗ trợ các thành viên khi có điều kiện;

q) Các khoản chi hợp pháp khác.

### **Điều 69. Kiểm toán độc lập**

Đại hội chỉ định một cơ quan kiểm toán độc lập để kiểm tra thu chi tài chính hằng năm do Ban Tài chính báo cáo dựa trên các nguyên tắc kế toán cơ bản và trình Đại hội. Cơ quan kiểm toán độc lập được chỉ định trong khoảng thời gian một nhiệm kỳ là 04 (bốn) năm. Cơ quan này được tái chỉ định hoặc thay đổi khi cần thiết.

### **Điều 70. Niên liễm**

1. Các Thành viên phải đóng niên liễm cho LĐBĐVN vào ngày 15 tháng 01 hàng năm. Thành viên mới phải đóng niên liễm trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi kết thúc Đại hội mà tổ chức đó được công nhận là thành viên của LĐBĐVN.

2. Đại hội có quyền sửa đổi, ấn định số tiền niên liễm 01 (một) năm một lần theo đề nghị của BCH và sẽ thông báo cho các thành viên vào ngày 01 tháng 01 hàng năm. Số tiền này đối với các thành viên là như nhau và không được quá 03 (ba) triệu Việt Nam đồng/một thành viên/một năm.

### **Điều 71. Giải quyết nợ**

LĐBĐVN có thể khấu trừ các khoản tiền mà các thành viên được hưởng để thanh toán các khoản nợ của thành viên đó đối với LĐBĐVN.

## **Điều 72. Các khoản lệ phí**

LĐBĐVN có thể yêu cầu các thành viên đóng lệ phí đối với các trận đấu, giải đấu do LĐBĐVN tổ chức.

## **Chương V CÁC GIẢI ĐẤU, TRẬN ĐẤU VÀ SỰ KIỆN**

### **Điều 73. Các giải đấu, trận đấu**

1. Các giải đấu, trận đấu và sự kiện do LĐBĐVN quản lý, tổ chức hoặc phối hợp tổ chức gồm:

a) Các giải bóng đá chuyên nghiệp gồm: Giải Vô địch Quốc gia; Giải hạng Nhất Quốc gia; Giải Cúp Quốc gia; Trận Siêu Cúp; Trận Play off và các giải bóng đá chuyên nghiệp khác (nếu có);

b) Các giải bóng đá ngoài chuyên nghiệp gồm: Giải bóng đá Nữ VĐQG, Giải hạng Nhì Quốc gia, Giải hạng Ba toàn quốc, các giải bóng đá Trẻ các lứa tuổi của nam và nữ, các giải bóng đá Futsal, bóng đá Bãi biển và các giải bóng đá phong trào khác;

c) Các giải đấu, trận đấu và các hoạt động bóng đá quốc tế khác được tổ chức theo quy định của Điều 77 Điều lệ này.

2. BCH có thẩm quyền ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị tổ chức giải để tổ chức các giải đấu, trận đấu. Các giải đấu, trận đấu do các đơn vị được ủy quyền tổ chức có trách nhiệm tuân thủ những quy định của LĐBĐVN và quy định của pháp luật; không được gây trở ngại cho các giải đấu, trận đấu do LĐBĐVN tổ chức. Trong mọi trường hợp, các giải đấu, trận đấu do LĐBĐVN tổ chức được quyền ưu tiên trước nhất.

3. BCH có thể ban hành thêm các điều khoản đặc biệt cho mục đích này.

### **Điều 74. Cấp giấy phép CLB**

BCH quy định việc cấp giấy phép CLB, trong đó quy định sự tham gia của các CLB, các đội bóng vào các giải đấu của LĐBĐVN.

### **Điều 75. Các quyền và lợi ích**

1. LĐBĐVN và các thành viên là những chủ sở hữu đầu tiên của các quyền xuất phát từ các giải đấu, trận đấu và các sự kiện khác diễn ra trong phạm vi quyền hạn của các tổ chức này mà không có sự giới hạn nào về nội dung, thời gian, địa điểm và luật lệ. Những quyền này bao gồm các quyền về tài chính, ghi hình và ghi âm, bản quyền truyền hình và tường thuật, bản quyền truyền thông đa phương tiện, quyền tiếp thị và quảng cáo, các quyền phát sinh trong khuôn khổ luật sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan đến các biểu trưng.

2. BCH quyết định phương thức và mức độ sử dụng những quyền trên đồng thời đưa ra các quy định đặc biệt cho mục đích này. BCH có quyền quyết định sử dụng độc quyền các quyền trên hoặc liên kết với một bên thứ ba hoặc hoàn toàn thông qua bên thứ ba.

## **Điều 76. Trao quyền**

LĐBĐVN là cơ quan duy nhất được trao quyền cho các đối tác về phân phối hình ảnh, âm thanh và những dữ liệu khác của các trận bóng, các sự kiện hoạt động bóng đá do LĐBĐVN tổ chức và không có bất kỳ giới hạn nào về nội dung, thời gian, địa điểm, các vấn đề kỹ thuật và pháp lý.

## **Điều 77. Các trận đấu và các giải đấu quốc tế**

1. Thẩm quyền tổ chức các trận đấu và giải đấu quốc tế giữa các Đội tuyển Quốc gia hoặc giữa các CLB thuộc về FIFA, AFC. Các trận đấu hoặc giải đấu chỉ được diễn ra khi có sự cho phép của FIFA hoặc Liên đoàn Bóng đá Châu lục có liên quan.

2. LĐBĐVN tuân theo lịch thi đấu quốc tế của FIFA và AFC.

## **Điều 78. Quan hệ thể thao**

LĐBĐVN không được phép tổ chức, tham gia các trận đấu, giải đấu nhằm mục đích tạo các mối quan hệ về thể thao với các liên đoàn không phải là thành viên của FIFA, hoặc chỉ là thành viên tạm thời của Liên đoàn Bóng đá Châu lục nếu không được FIFA cho phép.

## **Điều 79. Sự chấp thuận**

Các CLB, đội bóng, đơn vị tổ chức giải đấu quốc gia hoặc nhóm các CLB, đội bóng là thành viên của LĐBĐVN không được làm thành viên của một liên đoàn khác hay tham gia các giải đấu trên lãnh thổ của liên đoàn đó mà không được LĐBĐVN, liên đoàn đó hay FIFA cho phép, trừ những trường hợp ngoại lệ.

## **Chương VI KHEN THƯỞNG**

### **Điều 80. Khen thưởng**

Thành viên, đơn vị, tập thể và cá nhân thuộc LĐBĐVN có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp phát triển bóng đá được khen thưởng, xét tặng danh hiệu vinh dự của LĐBĐVN. Trường hợp đặc biệt, LĐBĐVN đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng, đồng thời đề nghị với FIFA, AFC có hình thức khen thưởng phù hợp với quy định của các cơ quan, tổ chức này.

### **Điều 81. Hội đồng Thi đua khen thưởng của LĐBĐVN**

1. Chủ tịch LĐBĐVN quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng của LĐBĐVN để xem xét kết quả thi đua và đề nghị khen thưởng của LĐBĐVN.

2. Căn cứ đề nghị của Tổng thư ký, Thường trực BCH và các thành viên, Hội đồng Thi đua khen thưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng đối với các thành viên, uỷ viên BCH và các cá nhân có thành tích đóng góp vào sự phát triển của bóng đá Việt Nam.

3. Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng là Chủ tịch LĐBĐVN.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng là một trong các Phó Chủ tịch LDBĐVN.

5. Các Phó Chủ tịch khác, Tổng thư ký và một số Trưởng ban là ủy viên Hội đồng.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 82. Các tình huống bất khả kháng và các trường hợp ngoài quy định của Điều lệ LDBĐVN**

BCH có thẩm quyền đưa ra quyết định cuối cùng về mọi vấn đề không có trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp bất khả kháng nhưng không trái với pháp luật và những quy định của FIFA, AFC.

### **Điều 83. Giải thể**

1. Mọi quyết định liên quan đến việc giải thể LDBĐVN đều phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số phiếu thuận của các thành viên (hoặc tỉ lệ phiếu thuận được quy định theo pháp luật nhà nước). LDBĐVN sẽ triệu tập Đại hội bất thường nhằm bỏ phiếu cho mục đích này.

2. Trường hợp LDBĐVN bị giải thể, tài sản của LDBĐVN được chuyển giao cho Tổng cục Thể dục Thể thao thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (hoặc một ngân hàng do BCH chỉ định). Tổ chức này tạm thời nắm giữ các tài sản này cho đến khi LDBĐVN được tái thành lập. Tuy nhiên, Đại hội cuối cùng sẽ lựa chọn một bên khác để nắm giữ các tài sản của LDBĐVN dựa trên nguyên tắc 2/3 (hai phần ba) số phiếu thuận.

### **Điều 84. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của LDBĐVN gồm 07 (bảy) Chương, 84 (tám mươi tư) Điều đã được Đại hội thường niên năm 2013 của LDBĐVN thông qua ngày 05 tháng 01 năm 2014 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ LDBĐVN, Ban Chấp hành LDBĐVN có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Đình**

